

V/v đơn đốc và báo cáo giải ngân  
vốn đầu tư công năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh
- UBND các huyện, thành phố, thị xã

Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc nhà nước tỉnh, tính đến ngày 15/6/2022 tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 612,374 tỷ đồng, đạt 17,7% kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao. Trong đó, có 90 dự án của 18 Sở, ngành<sup>1</sup> và 10 địa phương được giao kế hoạch vốn năm 2022 có tỷ lệ giải ngân dưới 30% kế hoạch (như danh mục biểu số 01, 02 kèm theo); đặc biệt có nhiều dự án chưa giải ngân<sup>2</sup>.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân chung của tỉnh và thực hiện quy định “*kiến quyết thực hiện điều chuyển vốn kế hoạch 2022 của các dự án nếu đến hết ngày 30/6/2022 giải ngân dưới 30% để bổ sung cho các dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện*” tại Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và văn bản số 6336/UBND-TH ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các chủ đầu tư:

1. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đã được đề ra tại Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh và các Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2022, số 03/CT-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh.

2. Triển khai thực hiện quyết liệt, các giải pháp, tháo gỡ kịp thời các rào cản, khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện; tranh thủ thời tiết thuận lợi tích cực, đẩy nhanh tiến độ thi công để hoàn thành khối lượng, phấn đấu đạt mục tiêu giải ngân hết số vốn được giao trong kế hoạch 2022, kể cả số vốn các năm trước được chuyển sang.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, đơn đốc, phối hợp với các đơn vị liên quan để chỉ đạo, theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình thi công. Lập kế hoạch giải ngân chi tiết cho từng dự án, nhất là các dự án trọng điểm, dự án có vốn lớn.

---

<sup>1</sup> Ban dân tộc tỉnh, Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh, Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh, Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh, Ban quản lý Khu Kinh tế, Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, Sở GD-ĐT, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở KH&CN, Sở NN&PTNT, Sở Văn hóa Thể thao Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Trung tâm nước sạch và VSMTNT, Trung tâm PTQĐ tỉnh, Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh

<sup>2</sup> Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị; Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái; Đường nội từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị; Kè chống xói lở đảo Cồn Cỏ; Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa; ...

Yêu cầu nhà thầu phải có văn bản cam kết tiến độ thực hiện đối với từng hạng mục công trình, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm việc vi phạm về tiến độ cũng như chất lượng công trình; trường hợp cần thiết, chấm dứt hợp đồng và thay thế ngay các nhà thầu khác. Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước và hoàn ứng theo quy định; không để dồn thanh toán vào cuối năm.

4. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra; khẩn trương rà soát, xử lý ngay các khó khăn vướng mắc phát sinh của từng dự án; cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân; xem kết quả giải ngân là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của tổ chức, cá nhân liên quan. Người đứng đầu các Sở, ban, ngành và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của đơn vị, địa phương mình. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu không giải ngân hết kế hoạch bố trí theo đúng quy định.

5. Báo cáo giải trình làm rõ nguyên nhân, đề xuất phương án cụ thể đối với các dự án kế hoạch 2022 dự kiến đến hết ngày 30/6/2022 giải ngân dưới 30% kế hoạch và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trong ngày 01 tháng 7 năm 2022** để rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án tập trung triển khai thực hiện và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu tỷ lệ giải ngân của đơn vị, địa phương ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung của tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng: KTN, VX;
- Lưu: VT, TH.

**GIÁM ĐỐC**

**Trương Chí Trung**

**Biểu số 01**  
**DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2022 ĐẾN NGÀY 15/6/2022 GIẢI NGÂN DƯỚI 30%**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2022	Giải ngân đến 15/6/22	Tỷ lệ
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.361.308</b>	<b>78.843</b>	
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ</b>		<b>126.064</b>	<b>10.831</b>	
1	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	9.686	2176	22,5
2	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	3.600	778	21,6
3	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Cam Lộ	2.500	492	20,3
4	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Sở GD-ĐT	3.000	41	1,4
5	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	1.500	163	10,9
6	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khối phòng học	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	3.614	105	2,9
7	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	11.000	1.167	10,6
8	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	3.000	562	18,7
9	Trường mầm non xã A Túc	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	2.000	368	18,4
10	Nhà nội trú Trường PTHH Đakrông	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Đakrông	1.500	50	3,3
11	Trường mầm non Bình Minh, xã Cam Chính	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Cam Lộ	1.200	133	11,1
12	Trường Mầm non Triệu Giang, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	1.100	192	17,5
13	Trường THCS thị trấn Gio Linh, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	2.300	374	16,3
14	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Sở KH&CN	7.920	406	5,1
15	Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19.000	639	3,4
16	Quy hoạch chung xây dựng đô thị La Vang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040	Sở Xây dựng	600		0,0

17	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt đòỉ bờ Cỏng Quân sự Đòỉng Hà, tỉnh Quảng Trị	Sở Văn hóà Thỏ thể thao Du lịch	151	11	7,1
18	Quy hoạch xỏy dựng vùng huyện Hải Lỏng đến năm 2040, đòỉnh hướng đến năm 2050	UBND huyện Hải Lỏng	500	39	7,8
19	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầủ của kỳ quy hoạch huyện Hướng Hỏà	UBND huyện Hướng Hỏà	500		0,0
20	Đòỉ chỉnh quy hoạch phân khu phường Đòỉng Thanh tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT TP Đòỉng Hà	200		0,0
21	Đòỉ chỉnh quy hoạch phân khu phường 3 tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT TP Đòỉng Hà	200		0,0
22	Đòỉ chỉnh quy hoạch phân khu phường Đòỉng Giang tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT TP Đòỉng Hà	200		0,0
23	Đòỉ chỉnh quy hoạch phân khu phường Đòỉng Lễ tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT TP Đòỉng Hà	200		0,0
24	Đòỉ chỉnh quy hoạch phân khu phường Đòỉng Lương tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT TP Đòỉng Hà	200		0,0
25	Quy hoạch chi tiết xỏy dựng Khu dịch vụ bờ Nam sông Thạch Hỏn	Phòng Quản lý đô thị thị xã Quảng Trị	500	117	23,4
26	Đòỉ chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xỏy dựng thị trấn Krông Klang, huyện Đỏkrông đến năm 2035, đòỉnh hướng đến năm 2040	UBND huyện Đỏkrông	500		0,0
27	Cầu Cam Hiỏu	Sở GT-VT	1.593		0,0
28	Xỏy dựng doanh trại Đòỉ cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	Công an tỉnh	2.800	9	0,3
29	Trụ sở công an xã Ba Tầng, huyện Hướng Hỏà	Công an tỉnh	1.500	54	3,6
30	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	3.000	606	20,2
31	Trung tâm Văn hóà - Thỏ thể huyện Hải Lỏng	UBND huyện Hải Lỏng	4.000	40	1,0
32	Nhỏ văn hóà trung tâm thị xã Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Thị xã Quảng Trị	7.000	685	9,8
33	Nâng cấp hệ thống đờng giao thông TX Quảng Trị	UBND thị xã Quảng Trị	14.000	149	1,1
34	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đỏo Cỏn Cỏ (giai đỏạn 2)	UBND huyện đỏo Cỏn Cỏ	5.000	1.055	21,1
35	Cỏi tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	9.000	421	4,7
36	Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhỏnh Văn phòng đất đỏi các huyện	Vỏn phòng ĐKĐĐ tỉnh	1.500		0,0
<b>II</b>	<b>NGUỒN THU TỪ ĐẦủ GIÁ ĐẦủ</b>		<b>324.608</b>	<b>34.234</b>	
1	Công viên mini Phường 2, thành phố Đòỉng Hà	Trung tâm PTQĐ tỉnh	1.700	24	1,4
2	Khu đô thị Bắc sông Hiỏu giai đỏạn 2	Trung tâm PTQĐ tỉnh	110.400	16.842	15,3
3	Nghỏa trang phục vụ di đời mộ Khu vực Bắc sông Hiỏu	Trung tâm PTQĐ tỉnh	12.000	1.217	10,1

4	Khu đô thị Tân Vĩnh	Trung tâm PTQĐ tỉnh	20.000	431	2,2
5	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Trung tâm PTQĐ tỉnh	1.300	54	4,2
6	Cầu qua sông Nhùng và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hải Lăng	2.600	361	13,9
7	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Trung tâm PTQĐ tỉnh	28.000	4.430	15,8
8	Cầu Bến Lợi, huyện Triệu Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	6.000	378	6,3
9	Đường kết nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)				
-	Phần thi công xây lắp và chi phí khác	BQL Khu Kinh tế	6.321,54 2	5.401	85,4
-	Phần đền bù GPMB	UBND huyện Triệu Phong	1.678,45 8		0,0
10	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT	8.000	35	0,4
11	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025				
-	Hỗ trợ huyện Vĩnh Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Vĩnh Linh	4.000		0,0
-	Hỗ trợ huyện Gio Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Gio Linh	4.000		0,0
-	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Triệu Phong	4.000		0,0
-	Hỗ trợ huyện Hải Lăng đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Hải Lăng	4.000		0,0
12	Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Trung tâm PTQĐ tỉnh	400	61	15,2
13	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	5.000	352	7,0
14	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	7.000	1.330	19,0
15	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	5.000	40	0,8
16	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh				
-	Kênh tiêu úng Nam Hùng - Nghĩa Hy-Thiết Tràng, thị trấn Cam Lộ và Tân Trúc - Vĩnh An, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	1.000		0,0
-	Nâng cấp hồ chứa nước thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	3.600	779	21,6
-	Kênh tiêu úng Mụ Cheo, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	2.000	139	6,9
17	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	BQL DA ĐTXD & PTQĐ huyện Cam Lộ	3.000		0,0

18	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	55.000	345	0,6
19	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Sở Giao thông vận tải	3.875		0,0
20	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà	9.700	1.516	15,6
21	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	3.000		0,0
22	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục san nền và sân bãi đỗ xe	Sở Giao thông vận tải	2.000		0,0
23	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	7.000	500	7,1
24	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang (giai đoạn 1)	Ban quản lý Khu Kinh tế	3.033		0,0
<b>III</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>		<b>910.636</b>	<b>33.778</b>	
1	Doanh trại hải đội dân quân thường trực và bến cập tàu của hải đội	Bộ CHQS tỉnh	30.000	962	3,2
2	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các địa phương	Công an tỉnh	10.000	271	2,7
3	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	90.000	1.178	1,3
4	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Hạng mục: Trung tâm tâm thần kinh và hệ thống thiết bị xạ trị				
-	<i>Hợp phần xây dựng</i>	<i>Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&amp;CN tỉnh</i>	10.000	82	0,8
-	<i>Hợp phần thiết bị</i>	<i>Sở Y tế</i>	50.000	500	1,0
5	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh (hạng mục: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vịnh Mốc)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	30.000	7.468	24,9
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Ban dân tộc tỉnh	22.420		0,0
7	Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	4.200		0,0
9	Kè chống xói lở khẩn cấp các đoạn sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT tỉnh	45.000	3.123	6,9
9	Đường biên giới Khe sanh Sa Trầm (ĐT.587) - Giai đoạn 1	Sở Giao thông vận tải	8.800	300	3,4

10	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị	Sở NN&PTNT	10.000		0,0
11	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông	Sở KH&ĐT	59.000	2.983	5,1
12	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	Sở KH&ĐT	43.000	755	1,8
13	Đường giao thông nối QL9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	10.000	2.282	22,8
14	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	25.000	237	0,9
15	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	320.000		0,0
16	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	Sở Giao thông vận tải	15.000	293	2,0
17	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Quảng Trị	20.000	5.724	28,6
18	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	15.000	1.595	10,6
19	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	20.000	1.754	5,9
20	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Cam Lộ	20.000	3.381	16,9
21	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Ban quản lý Khu Kinh tế	16.180	890	5,5
22	Kè chống xói lở đảo Cồn Cỏ	UBND huyện đảo Cồn Cỏ	17.036		0,0
23	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	20.000		0,0

**Biểu số 02**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ODA KẾ HOẠCH 2022 ĐẾN NGÀY 15/6/2022**

*DVT: triệu đồng*

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2022						Giải ngân từ 01/01/2022 đến 15/6/2022						Tỷ lệ so với Kế hoạch
			Tổng vốn	Vốn NSTW			Vốn đối ứng NSĐP	Tổng vốn	Vốn NSTW			Vốn cân đối NSĐP			
				Tổng	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài				Vốn vay lại	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài	Vốn vay lại	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.032.185</b>	<b>888.829</b>	<b>102.000</b>	<b>675.060</b>	<b>111.769</b>	<b>143.356</b>	<b>130.316</b>	<b>48.855</b>	<b>2.983</b>	<b>38.642</b>	<b>7.230</b>	<b>81.461</b>	<b>12,6</b>
1	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	Sở GTVT	24.981	24.981		19.985	4.996		0	0		0	0	0	0,0
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở NN &PTNT	10.725	10.725		10.483	242	0	2.207	2.207		2.053	154	0	20,6
3	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Sở KH&ĐT	485.431	382.487	59.000	313.929	9.558	102.944	105.892	28.274	2.983	23.251	2.040	77.618	21,8
4	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị	Sở KH&ĐT	238.585	238.585	43.000	156.468	39.117	0	3.779	3.779	0	3.023	756	0	1,6
5	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2	Sở VH TT & DL	123.488	111.876		88.055	23.821	11.612	64	56		45	11	8	0,1
6	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT	88.975	70.175		56.140	14.035	18.800	10.444	7.731		6.185	1.546	2.713	11,7
7	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN	60.000	50.000		30.000	20.000	10.000	7.930	6.808		4.085	2.723	1.122	13,2